

KẾT QUẢ MÔN VI SINH KỸ SINH TRÙNG KHÓA 22- NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1					GHI CHÚ
					KIỂM TRA		TBKT	THI	TB MÔN	
					HỆ SỐ 1	HỆ SỐ 2		L1	L1	
1	22CT014A	Huỳnh Văn	Ái	09/06/1990	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
2	22CT025A	Võ Thị	Ái	10/10/1989	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
3	22CT003A	Vũ Văn	Cao	14/01/1984	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
4	22CT009A	Huỳnh Mai Thảo	Lâm	06/11/2007	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
5	22CT015A	Nguyễn Thị Hằng	Nga	11/10/1969	6,0	6,0	6,0	9,0	7,8	
6	22CT006A	Văn Thị	Nhi	03/12/1996	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
7	22CT026A	Đặng Tấn	Phát	19/06/1997	8,0	8,0	8,0	10,0	9,2	
8	22CT004A	Phạm Hoài	Phuong	03/12/1984	10,0	10,0	10,0	9,0	9,4	
9	22CT005A	Phạm Thạch	Thảo	19/05/1989	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
10	22CT016A	Nguyễn Quốc	Thắng	05/05/1967	8,0	8,0	8,0	10,0	9,2	
11	22CT013A	Nguyễn Văn	Thuận	02/09/2003	8,0	8,0	8,0	10,0	9,2	
12	22CT023A	Nguyễn Thị	Thuận	07/07/1993	7,0	7,0	7,0	10,0	8,8	
13	22CT008A	Trần Huyền	Trần	21/12/1985	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
14	22CT017A	Nguyễn Thụy Ngọc	Trúc	05/05/1995	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
15	22YS012A	Lê Hữu	Duy	26/05/1999	6,0	6,0	6,0	10,0	8,4	
16	22YS010A	Huỳnh	Khánh	09/12/2005	9,0	9,0	9,0	8,0	8,4	
17	22YS007A	Nguyễn Quỳnh Yên	Linh	05/03/2007	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
18	22YS005A	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	09/08/1977	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	
19	22YS011A	Huỳnh	Pháp	05/12/2007	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	
20	22YS008A	Phạm Quốc	Tuấn	24/06/2002	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
21	22YS009A	Nguyễn Tất	Tùng	19/05/2004	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
22	22YS004A	Hầu Mỹ	Tuyết	02/11/1989	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
23	22DD012A	Huỳnh Thị Lan	Anh	09/03/2007	7,0	7,0	7,0	9,0	8,2	
24	22DD006A	Võ Nguyễn Ngân	Hà	25/02/2006	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
25	22DD002A	Nguyễn Hoàng Dung	Nhi	30/06/2007	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
26	22DD003A	Đào Diễm Thủy	Tiên	24/09/2007	7,0	7,0	7,0	9,0	8,2	
27	22DD005A	Trương Ánh	Tuyết	28/11/2007	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
28	22DD001A	Trần Phạm Cẩm	Thy	09/10/2007	10,0	10,0	10,0	9,0	9,4	
29	21CT036A	Nguyễn Mai Xuân	Son	24/09/2006	7,0	7,0	7,0	6,0	6,4	
30	21CT011A	Hà Tấn	Sang	27/03/1981	6,0	6,0	6,0	10,0	8,4	